

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 12 - 2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồng Ân.

Ông Vũ Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 538/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phan Văn V, sinh năm 1971 (xin vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/10/2022 và các văn bản kèm theo bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2006, bà và ông Phan Văn V chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì giữa bà và ông V mâu thuẫn kéo dài, bất đồng quan điểm, bà và ông V đã hàn gắn nhiều lần nhưng không mang lại kết quả, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay. Bà xác định là không còn tình cảm dành cho ông

V. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên bà không thể đoàn tụ gia đình với ông V. Nay bà yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn với ông Phan Văn V.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có hai người con chung tên Phan Triệu V (giới tính nữ), sinh ngày 17/10/2006 và Phan Văn H (giới tính nam), sinh ngày 15/12/2010. Nay bà yêu cầu được nuôi dưỡng Phan Triệu V giao Phan Văn H cho ông V nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc làm ăn xa nên việc đi lại khó khăn, bà Nguyễn Thị N xin vắng mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm và không có ý kiến gì khác.

Tại Biên bản hòa giải ngày 08/12/2022 ông Phan Văn V trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị N chung sống với nhau năm 2006 nhưng không có đăng ký kết hôn. Giữa ông và bà N chung gần đây cuộc sống phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến không thể tiếp tục cuộc sống chung, cả hai không còn chung sống với nhau từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay. Ông xét thấy cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, nay ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống có hai người con chung tên Phan Triệu V (giới tính nữ), sinh ngày 17/10/2006 và Phan Văn H (giới tính nam), sinh ngày 15/12/2010. Khi ly hôn ông đồng ý giao Phan Triệu V cho bà N nuôi dưỡng và ông yêu cầu nuôi Phan Văn H, không ai cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc làm ăn xa nên việc đi lại khó khăn, ông Phan Văn V xin vắng mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm và không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Phan Văn V và bà Nguyễn Thị N xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Vào năm 2006, bà N và ông V chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay dần không đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay mà không thể hàn gắn tình cảm. Bà Nguyễn Thị N xác định không còn tình cảm dành cho ông V và bà N cương quyết ly hôn, ông V thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà N. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn V không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn V đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Đối với các yêu cầu của bà N ông V đồng ý và không có ý kiến gì khác. Do hôn nhân đã vi phạm quy định về điều kiện kết hôn theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn V không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống có hai người con chung tên Phan Triệu V (giới tính nữ), sinh ngày 17/10/2006 và Phan Văn H (giới tính nam), sinh ngày 15/12/2010. Khi ly hôn bà N và ông V thỏa thuận giao Phan Triệu V cho bà N nuôi dưỡng và ông V nuôi dưỡng Phan Văn H, không ai cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên không đặt ra xem xét. Mặc khác, cháu V có nguyện vọng sống chung cùng bà N, cháu H từ trước đến nay sống chung cùng ông V, xét đây là ý chí nguyện vọng của hai cháu nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào các điều 9, 14 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Phan Triệu V (giới tính nữ), sinh ngày 17/10/2006 cho bà Nguyễn Thị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; giao Phan Văn H (giới tính nam), sinh

ngày 15/12/2010 cho ông Phan Văn V tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phan Văn V và bà Nguyễn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Ông Phan Văn V và bà Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0018366 ngày 08/11/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được đối trừ, chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bà Nguyễn Thị N và ông Phan Văn V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Ngọc Trọng